TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Số nhà U2, đường T2, tổ V2, thôn X2, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số nhà U2, đường T2, tổ V2, thôn X2, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Quốc L tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B vào năm 2017.

Sau khi kết hôn, anh L, chị T sinh sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 07 năm, đến năm 2024, anh chị về xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B sống cùng gia đình chị T được 06 tháng thì xây dựng nhà để ở riêng. Quá trình xây dựng nhà, anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh L đi uống rượu về say xỉn ghen tuông vô cớ, thường xuyên cãi nhau gây ảnh hưởng tới cuộc sống vợ chồng. Sau khi nhận được Thông

báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/01/2025 thì anh L bỏ đi làm xa, vợ chồng ly thân từ đó.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc L đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh L không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 27/3/2025, Tòa án lấy lời khai của bà Trần Thị Th, là mẹ của chị Trần Ngọc T như sau: Năm 2017, chị T và anh L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được hai bên gia đình chấp nhận và tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm công nhân sinh sống tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2024 thì về xã Đ sinh sống với bà Th, được 6 tháng thì anh chị xây nhà ở riêng trên đất rẫy của bà Th. Khoảng thời gian xây dựng nhà, anh L ghen tuông và dọa giết chị T. Trước đó vợ chồng thường xảy ra cãi vả, mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L hay uống rượu say xỉn vì cho rằng chị T không sinh con. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/01/2025 thì anh L bỏ đi làm xa, lâu lâu có điện thoại về hỏi thăm chị T.

- Ngày 20/3/2025, Tòa án xác minh tại Công an xã Đ và được cung cấp: Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1988 có đăng ký thường trú tại số nhà U2, đường T2, tổ V2, thôn X2, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.. Qua kiểm tra thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì anh L không có đăng ký tạm trú tại nơi nào khác.

- Ngày 20/3/2025, Tòa án xác minh với bà Trần Thị Thu H - Chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn X2, xã Đ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Quốc L tại nơi cư trú và được cung cấp: Quá trình chung sống, giữa chị T và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu về nhà say xỉn, vợ chồng không có con chung nên hay xảy ra bất đồng. Trước đây, vợ chồng anh chị làm công nhân ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đến tháng 6/2024 thì về xã Đức Tín sinh sống tại thôn X2, xã Đ. Sau Tết vào khoảng tháng 02/2025, anh L đã bỏ đi khỏi nơi ở, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng

pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2017, chị T, anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh L đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh L thường gây sự, cãi nhau với chị T. Chị T cương quyết muốn ly hôn, anh L được Tòa án mời làm việc nhưng không tham gia, không quan tâm đến việc chị T khởi kiện, nay chị T yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 16/4/2025 và ngày 08/5/2025 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Quốc L tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2017, ngày 15/9/2017, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Theo tài liệu, chứng cứ thu thập và lời khai của chị Trần Ngọc T thì sau khi kết hôn, anh L, chị T sinh sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 07 năm, đến năm 2024, anh chị về xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B sống cùng gia đình chị T được 06 tháng thì xây dựng nhà để ở riêng. Quá trình xây dựng nhà, anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh L đi uống rượu về say xỉn ghen tuông vô cớ, thường xuyên cãi nhau gây ảnh hưởng tới cuộc sống vợ chồng. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 19/TB-TLVA và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thì anh L bỏ đi làm xa, vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc L.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Quốc L đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không có mặt. Bên cạnh đó, chị Trần Ngọc T cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Quốc L. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh, chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Quốc L bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan

hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trần Ngọc T.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Trần Ngọc T đối với anh Nguyễn Quốc L. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc T đối với anh Nguyễn Quốc L về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc L.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Trần Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung